

Số: /KH-MNTL

Thanh Lương, ngày 05 tháng 10 năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025**

**I. BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ NĂM HỌC 2023 - 2024**

**\* Thuận lợi**

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của UBND huyện Vĩnh Bảo, sự chỉ đạo sát sao của PGD&ĐT huyện, sự quan tâm tạo điều kiện và giúp đỡ của Đảng ủy, HĐND, UBND xã, các ban ngành đoàn thể trong xã, đặc biệt là sự giúp đỡ nhiệt tình của các bậc phụ huynh trong toàn trường.

Đội ngũ giáo viên, nhân viên đảm bảo về số lượng và được nâng cao dần lên về chất lượng, 100% GV trong trường đã được tham gia lớp bồi dưỡng về ứng dụng PPGD tiên tiến Steam trong hoạt động GD trẻ, GV trong trường biết ứng dụng CNTT vào công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, nên việc phối kết hợp CSGD trẻ với phụ huynh trong việc thực hiện CS&GD trẻ đạt hiệu quả.

Cơ sở vật chất của nhà trường từng bước được cải tạo và nâng cấp.

Đội ngũ giáo viên, nhân viên trong trường luôn nhiệt tình, đoàn kết và 100% được chuẩn hóa

**\* Khó khăn**

Hệ thống sân, cổng, tường bao xây dựng lâu năm đã xuống cấp gây nhiều khó khăn cho công tác an toàn.

Đề án xây dựng nông thôn mới của xã chưa thực hiện được do nguồn ngân sách của Thành phố không đảm bảo nên việc đầu tư CSVC cho nhà trường còn gặp nhiều khó khăn, giàn trải, chưa tập trung.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của nhà trường còn gặp nhiều khó khăn do thiếu Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng ảnh hưởng đến tư tưởng của các đồng chí CBQL.

Một số giáo viên cao tuổi việc tiếp thu chương trình giáo dục mầm non và tiếp cận với PPGD tiên tiến còn nhiều hạn chế, việc cập nhật CNTT còn khó khăn, ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ của trường.

Năng lực chuyên môn của giáo viên không đồng đều, sự năng động và sáng tạo trong công tác của một số GV- NV còn hạn chế. Việc ứng dụng CNTT trong chuyên môn của một số GV, NV còn khó khăn.

Nhiều gia đình phụ huynh do kinh tế còn khó khăn, nên chưa thực sự quan tâm và tạo ĐK cho con em mình, các khoản đóng góp hàng tháng còn chậm, do

vậy cũng đã ảnh hưởng phần nào đến các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường. Số lượng trẻ ở từng độ tuổi trong mỗi lớp cao hơn so với yêu cầu chuẩn của từng độ tuổi, số lượng GV không được bổ sung theo đúng điều lệ trường mầm non, số lớp học, phòng học còn thiếu...vì vậy việc chăm sóc giáo dục, CSND, còn gặp nhiều bất cập.

## **1. Quy mô trường lớp, HS, đội ngũ CBGVNV năm học 2023 - 2024**

### **a. Về quy mô nhóm lớp**

| <b>T.S<br/>lớp<br/>nhóm</b> | <b>Trong đó Số lớp MG được phân đúng độ tuổi</b> |           |           |                 | <b>Số lớp NT được phân đúng độ tuổi</b> |                    |                 |
|-----------------------------|--------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------|-----------------------------------------|--------------------|-----------------|
|                             | <b>5T</b>                                        | <b>4T</b> | <b>3T</b> | <b>Lớp ghép</b> | <b>24-36 tháng</b>                      | <b>18-24 tháng</b> | <b>Lớp ghép</b> |
| 10                          | 2                                                | 3         | 2         | 0               | 2                                       | 1                  | 0               |

### **\* Số học sinh**

| <b>Tổng số trẻ đến trường/TS điều tra</b> | <b>Tỷ lệ</b> | <b>Trong đó</b>                                 |              |                                                 |              |                                                 |              |
|-------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------|--------------|
|                                           |              | <b>Số trẻ NT đến trường/<br/>TS trẻ NT ĐTra</b> | <b>Tỷ lệ</b> | <b>Số trẻ MG đến trường/<br/>TB trẻ MG ĐTra</b> | <b>Tỷ lệ</b> | <b>Số trẻ 5T đến trường/<br/>TB trẻ MG ĐTra</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
| 278/369                                   | 75,3%        | 61/143                                          | 42,7%        | 217/226                                         | 96%          | 75/75                                           | 100%         |

### **b. Đội ngũ CBGVNV**

- Tỷ lệ CBGVNV biên chế:  $22/29 = 75.9\%$
- Nhân viên cô nuôi được hưởng trợ cấp của thành phố và được hỗ trợ từ nguồn học phí được hệ số theo bảng cấp  $6/29 = 20.7\%$ .
- Nhân viên BV HĐNDD111:  $1/29 = 2.9\%$

## **2. Chất lượng công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho trẻ**

Tổng số trẻ ăn bán trú tại trường: 284/284 cháu đạt 100% số trẻ đến lớp.

Trong đó: + Nhà trẻ 62/62 cháu đạt 100 % số trẻ đến lớp.

+ Mẫu giáo 222/222 cháu đạt 100 % số trẻ đến lớp.

- Mức ăn của trẻ: 20.000đ/trẻ/ngày, tăng 2000 đồng so với năm học trước.

- Tỷ lệ các chất đạt TB/ngày cho trẻ:

+ Trẻ Nhà trẻ: 626 - 722 Kcalo

+ Trẻ MG: 623 - 735 Kcalo;

- 100% nhóm lớp thực hiện chế độ vệ sinh của trẻ theo quy chế nuôi dạy trẻ, thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền phòng chống các dịch bệnh cho trẻ, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho trẻ ở trường.

- Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên các lớp thực hiện tốt công tác phối hợp với phụ huynh trong việc chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho trẻ, hàng tháng, hàng kỳ đã nhân viên Y tế đã phối hợp tốt với GV chủ nhiệm các lớp thực hiện cân và đo cho trẻ 03 lần/năm học và thực hiện theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng cho trẻ (Lần 1 vào tháng 9/2023; lần 2 vào tháng 12/2023; lần 3 vào tháng 4/2024), đối với trẻ SDD, thấp còi, thừa cân, hàng tháng đều thực hiện cân, đo cho trẻ và theo dõi, để có biện pháp phối hợp với phụ huynh trong việc CS và nuôi dưỡng trẻ phù hợp. Sau đây là kết quả đã đạt được cuối năm như sau:

\* Tổng số trẻ được cân đo đầu năm: 256 trẻ

\* Tổng số trẻ được cân đo cuối năm: 284 trẻ

+ Tỷ lệ trẻ SDD về cân nặng đầu năm 5.4% (14 trẻ), cuối năm còn 1.04% (3 trẻ). So với đầu năm giảm 4.3% (11 trẻ).

+ Tỷ lệ trẻ thấp còi đầu năm 10.5% (27 trẻ), cuối năm còn 2.5% (7 cháu). So với đầu năm giảm 1,4 % (5 cháu).

+ Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì: đầu năm: 16 cháu, cuối năm: 13 cháu

### **3. Nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục Mầm non; xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, trường học hạnh phúc**

Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình GDMN phù hợp với thực tế của nhà trường, của địa phương.

Tiếp tục triển khai và thực hiện tốt chuyên đề “*Xây dựng trường Mầm non lấy trẻ làm trung tâm*”:

Công tác triển khai thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025” trong các cơ sở giáo dục mầm non: Nhà trường duy trì nề nếp tập thể dục buổi sáng tập chung toàn trường vào tất cả các ngày trong tuần.

Tăng cường phổ biến kiến thức chăm sóc giáo dục trẻ tại gia đình và cộng đồng: Phối hợp y tế xã, Hội cha mẹ trẻ em của nhà trường để phổ biến kiến thức chăm sóc giáo dục trẻ tại gia đình và cộng đồng: Thực hiện vệ sinh cá nhân trẻ thường xuyên, thao tác rửa tay bằng xà phòng....

Xây dựng kế hoạch trường, lớp mầm non Hạnh Phúc tạo cho trẻ có một môi trường học tập ý nghĩa như ngôi nhà thứ 2 của trẻ.

### **4. Thi đua – khen thưởng**

\* *Tổ chức hội thi*

Hội thi thiết kế trò chơi giáo dục an toàn giao thông: 100% giáo viên các lớp tham gia, có 05 sản phẩm xếp loại xuất sắc được PGD thẩm định và đưa vào kho học liệu dùng chung của PGD.

Hội thi giáo viên giỏi: 100% giáo viên đạt giáo viên giỏi cấp trường. (Tốt: 15/18 đạt 83.3%, Khá: 3/18 đạt 16.7%)

Hội thi giáo viên giỏi cấp huyện: 04/19 giáo viên đạt giáo viên giỏi cấp huyện, 4/4 đạt loại Giỏi

*\* Sáng kiến cấp trường*

- 28/28 đồng chí tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm cấp trường
- 08 sáng kiến tham gia và được công nhận sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng

cấp Huyện

*\* Danh hiệu thi đua*

- Đánh giá viên chức cho 21 CBGV.

Trong đó: 4 đ/c hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

16 đ/c hoàn thành tốt nhiệm vụ

1 đ/c không hoàn thành nhiệm vụ

- Các thành tích cá nhân:

- + 01 đ/c được nhận bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố
- + 05 đ/c đạt CSTĐCCS
- + 25 đ/c đạt LĐTT

- Công đoàn: Vững mạnh

- Đoàn TN: Vững mạnh

## **II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2024 – 2025**

1. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương và thành phố: Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ; Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ; Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân (HĐND) thành phố; Kế hoạch số 48/KHUBND ngày 18/02/2019 của UBND thành phố về phát triển GDMN giai đoạn 018-2025; Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019; Văn bản số 86/HDLS-SGDĐT-STC ngày 25/01/2024 của Liên sở GDĐT-STC; Hướng dẫn số 1044/HDLS-GDĐT-TC ngày 19/8/2024; Công văn số 2533/SGDĐT-KHTC ngày 22/8/2024 của Sở GDĐT; Tiếp tục triển khai có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, UBND: Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 10/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXVI về nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030; Đề án số 2568/ĐA-UBND ngày 29/11/2021 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Vĩnh Bảo về nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 1367/KH-UBND ngày 03/7/2018 của UBND huyện Vĩnh Bảo về phát triển giáo dục phổ thông và mầm non huyện Vĩnh Bảo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 1131/KH-UBND ngày 15/5/2019 của UBND huyện Vĩnh Bảo về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển GDMN giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo; Kế hoạch số 1132/KH-UBND ngày 15/5/2019 của UBND huyện Vĩnh Bảo về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý GDMN giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo; Kế hoạch số 1240/KH-UBND ngày 21/6/2022 của UBND huyện Vĩnh Bảo về triển khai nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 10/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXVI và Đề án số 2568/ĐA-UBND ngày 29/11/2021 của UBND huyện về nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2. Thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn, an ninh trường học như: Công tác phòng chống tai nạn thương tích, phòng, chống đuối nước, phòng cháy chữa cháy, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm; đặc biệt là công tác phòng, chống dịch bệnh; tăng cường các hoạt động giáo dục trải nghiệm, kỹ năng sống cho trẻ.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị hoạt động giáo dục của nhà trường; đảm bảo tính dân chủ, công khai thống nhất giữa các tổ chức trong nhà trường; đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục; khai thác các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; từng bước xây dựng mô hình phòng học thông minh tại một số trường có cơ sở vật chất đảm bảo cho việc dạy và học; thực hiện hiệu quả trong quản lý hồ sơ điện tử.

5. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học thực hiện công tác xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia theo kế hoạch thực hiện chương trình nông thôn mới kiểu mẫu; Phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non gắn với công tác rà soát sắp xếp, quy hoạch; tiếp tục bổ sung cơ sở vật chất phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ em, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế.

6. Phân đầu tỷ lệ huy động trẻ đến trường, lớp đạt chỉ tiêu Nghị quyết số 05-NQ/HU, Đề án 2568/ĐA-UBND giai đoạn 2021-2025.

7. Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục của nhà trường phù hợp với thực tiễn; chuẩn bị các điều kiện triển khai thí điểm thực hiện Chương trình GDMN mới; Tổ chức thực hiện giải pháp chuyên môn cấp huyện với nội dung "Khai thác, tận dụng các yếu tố thiên nhiên để tổ chức hoạt động ngoài trời cho trẻ trong các cơ sở GDMN".

8. Tiếp tục triển khai thí điểm ứng dụng STEAM trong GDMN; tổng kết chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025” tiếp tục lồng ghép thực hiện chủ đề năm học của giáo dục mầm non "Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, tôn trọng quyền trẻ em".

9. củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn bị phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo.

10. Tham mưu UBND huyện bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng; thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu Luật giáo dục 2019.

11. Mỗi đơn vị trong năm học 2024-2025 kết nạp ít nhất 01 Đảng viên mới.

12. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện tạo động lực cho đội ngũ tích cực đổi mới, sáng tạo; nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN, nâng cao chất lượng bữa ăn bán trú, giáo dục vệ sinh, chăm sóc sức khỏe; khuyến khích cho trẻ làm quen với ngoại ngữ (tiếng Anh) ở những cơ sở có điều kiện.

13. Đẩy mạnh công tác truyền thông về GDMN.

### **III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

#### **1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về GDMN**

##### *a. Chỉ tiêu phấn đấu*

- Kịp thời ban hành các văn bản triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học;
- Đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ chính sách về GDMN;
- Kịp thời nắm bắt thông tin, tình huống và xử lý trong thực hiện nhiệm vụ; không để dư luận xã hội bức xúc về tình trạng lạm thu, thu sai quy định, không có đơn vị/cá nhân vi phạm quy định về quản lý tài chính;
- Không có đơn thư khiếu kiện vượt cấp.

##### *b. Giải pháp thực hiện*

- Triển khai có hiệu quả Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị quyết số

11/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố về chế độ chi hỗ trợ đối với lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các cơ sở GDMN công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 54/2019/NQHĐND ngày 09/12/2019 của HĐND thành phố về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn số 1044/HDLS-GDĐT-TC ngày 19/8/2024 của Liên Sở GDĐT và TC về thực hiện thu và sử dụng học phí đối với cơ sở GDMN, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Công văn số 2533/SGDĐT-KHTC ngày 22/8/2024 của Sở GDĐT về thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025; Văn bản số 86/HDLS-SGDĐT-STC ngày 25/01/2024 của Liên sở GDĐT-STC hướng dẫn liên sở thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố; Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của HĐND thành phố về Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở GDMN, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2024-2025;

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu gắn với trách nhiệm giải trình trong quản lý các hoạt động giáo dục tại nhà trường. Tăng quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục được quyết định các hình thức, phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục để đáp ứng mục tiêu Chương trình GDMN, bảo đảm chất lượng, hiệu quả;

- Thực hiện quy chế dân chủ trong quản lý các hoạt động giáo dục, phát huy vai trò tham gia xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, giám sát, sử dụng các nguồn lực để tổ chức các hoạt động; bảo đảm đầy đủ, kịp thời quy định về công khai mục tiêu chất lượng giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT;

- Tiếp tục đổi mới công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá của cấp quản lý giáo dục đối với các nhóm lớp theo hướng hiệu quả, đề cao vai trò giám sát, tư vấn hỗ trợ, tránh hình thức gây áp lực cho giáo viên; tăng cường giám sát nền nếp thực hiện quy chế công khai (thực hiện theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GDĐT; Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024);

- Tích cực xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, tạo sự gắn kết các thành viên trong nhà trường, tạo động lực cho đội ngũ gắn bó, cống hiến, nâng cao hiệu quả chăm sóc giáo dục trẻ. Nắm bắt các thông tin, tình huống và xử lý kịp thời đảm bảo quá trình quản lý vận hành thông suốt;

## **2. Rà soát, sắp xếp và phát triển hệ thống mạng lưới trường, lớp; tăng cường cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia**

### *a. Chỉ tiêu phấn đấu*

- Tỷ lệ huy động đến trường: 78% trẻ mầm non đến trường lớp. Trong đó 47% trẻ nhà trẻ; 98% trẻ mẫu giáo (trong đó 100% trẻ 4 tuổi, trẻ 5 tuổi); Cụ thể:

+ Tổng số trẻ đến trường/Tổng số trẻ điều tra: 265/340 đạt 78%.

+ NT: huy động 61/130 đạt 47%

+ Mẫu giáo: 206/228 đạt 98% (MG 4T, 5T: 100%)

- 100% phòng học kiên cố; xây dựng đủ phòng học, phòng chức năng, đảm bảo đủ diện tích sân chơi, bếp ăn đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN;

- 98% nhóm lớp có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị tối thiểu theo Thông tư 02 và Thông tư 34 của Bộ GDĐT và Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND thành phố, tiếp tục đầu tư nâng tỷ lệ đồ dùng, đồ chơi công nghiệp trong các nhóm lớp; 100% bếp ăn của trường mầm non công lập được xây dựng và sử dụng đúng quy chuẩn bếp 1 chiều; 100% nhà vệ sinh đạt chuẩn; 100% các cơ sở GDMN kết nối internet và sử dụng phần mềm hỗ trợ công tác quản lý;

- Hoàn thành tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục và trường chuẩn quốc gia.

### *b. Giải pháp thực hiện*

- Thực hiện Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 về lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở GDMN, đầu tư trang thiết bị dạy học hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; bổ sung các tài liệu, học liệu, thiết bị chăm sóc giáo dục trẻ; các phần mềm hỗ trợ công tác quản lý và tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.

- Tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; tham mưu, có kế hoạch, phối hợp các nguồn lực để đầu tư xây dựng mới và bảo đảm các tiêu chí duy trì chất lượng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ GDĐT.

- Rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp theo hướng tập trung phù hợp với quy mô phát triển theo đúng kế hoạch của xã; đảm bảo các nguyên tắc: không gây quá tải trẻ/lớp, không vượt quá quy mô số lớp/trường.

- Làm tốt công tác điều tra trẻ trên địa bàn, thực hiện tuyển sinh phù hợp với quy mô, năng lực, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường.

**3. củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (PCGDMNCTE5T); chuẩn bị các điều kiện triển khai thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo.**

*a. Chỉ tiêu phân đầu*

- 100% trẻ 4 tuổi học 2 buổi/ngày;
- 100% trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ngày và hoàn thành Chương trình GDMN;
- Duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.
- Triển khai phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo khi có văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT.

*b. Giải pháp thực hiện*

- Tham mưu lãnh đạo địa phương kiện toàn Ban chỉ đạo PCGD-XMC; thực hiện nghiêm túc Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Kế hoạch thực hiện Kết luận số 51-KL/TU theo Quyết định số 1696/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2020; tiếp tục rà soát bổ sung điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ đảm bảo nâng cao chất lượng PCGDMNTE5T.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ trẻ em và giáo viên theo quy định. Cập nhật số liệu, thực hiện báo cáo, hồ sơ, khai thác dữ liệu PCGDMNTE5T trên hệ thống thông tin điện tử quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo phân cấp quản lý một cách hiệu quả. Thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, công nhận duy trì kết quả PCGDMNTE5T.

- Rà soát, bổ sung đủ đội ngũ và cơ sở vật chất cho các lớp mẫu giáo 5 tuổi để duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTE5T; chuẩn bị các điều kiện triển khai thí điểm phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo.

**4. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

*4.1. Đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ*

*a. Chỉ tiêu phân đầu*

- Đảm bảo tiêu chuẩn trường học an toàn, phòng, tránh tai nạn thương tích; 100% trẻ tại trường được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần.

- Không để xảy ra tình trạng dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, cháy nổ, ô nhiễm môi trường trường học, bạo hành hoặc mất an toàn gây tai nạn thương tích cho trẻ trong nhà trường.

*b. Giải pháp thực hiện*

- Nghiêm túc thực hiện các văn bản chỉ đạo về công tác đảm bảo an toàn cho trẻ: Nghị định 80/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường; Chỉ thị 993/CT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc tăng cường các giải pháp phòng, chống bạo lực học đường trong cơ sở giáo dục; Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng, tránh tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN; Kế hoạch số 89/KH-GDĐT ngày 15/2/2022 của Phòng GDĐT về thực hiện Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng, tránh tai nạn thương tích. Thực hành áp dụng các quy định cụ thể về Bộ Quy tắc ứng xử theo Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ GDĐT;

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định tại Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngay từ đầu năm học, báo cáo cơ sở giáo dục mầm non đạt tiêu chuẩn trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích vào cuối năm học tới cơ quan quản lý cấp trên;

- Phối hợp với Công an phòng cháy chữa cháy tập huấn cho đội ngũ ứng phó các tình huống khi xảy ra cháy nổ. Có biện pháp đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy khi sử dụng thiết bị điện; lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động; thiết kế, lắp đặt hệ thống chống sét theo quy định; có lối thoát nạn khi có tình huống cháy nổ;

- Kiểm soát tốt việc cung ứng thực phẩm an toàn trong bếp ăn bán trú, ký hợp đồng cung cấp thực phẩm chặt chẽ đảm bảo pháp lý, duy trì nề nếp quy trình giao nhận thực phẩm tay ba với sự giám sát của đại diện phụ huynh và hành viên Ban thanh tra nhân dân nhà trường; thực hiện chế độ kiểm thực 3 bước và lưu mẫu thức ăn theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Không thực hiện cung cấp suất ăn sẵn cho trẻ trong trường mầm non;

- Thực hiện nghiêm túc việc ký xác nhận hàng ngày giữa giáo viên và phụ huynh về tình trạng sức khỏe của trẻ khi đón - trả trẻ;

- Tăng cường kiểm tra, rà soát cơ sở vật chất, trang thiết bị, sắp xếp nội vụ phòng, lớp để kịp thời phát hiện các yếu tố, nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ và có biện pháp khắc phục, đặc biệt là các điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy;

- Quan tâm giám sát việc thực hiện kết luận kiểm tra và xử lý nghiêm theo thẩm quyền hoặc đề xuất xử lý theo quy định của pháp luật đối với các cá nhân để xảy ra mất an toàn đối với trẻ

#### *4.2. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng*

#### a. Chỉ tiêu phấn đấu

- Bếp ăn đảm bảo các điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- 100% trẻ được kiểm tra, theo dõi sức khỏe ít nhất 1 lần/năm và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới;
- 98% trẻ có kỹ năng tự phục vụ phù hợp với độ tuổi;
- 98% trẻ đạt kênh phát triển bình thường về cân nặng và chiều cao;
- Giảm 2,5% trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và 2% tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi so với đầu năm học, tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì được khống chế;
- Trên 97% trẻ có kỹ năng tự phục vụ phù hợp với độ tuổi;
- Nâng mức tiền ăn cho trẻ lên 22.000đ/trẻ/ngày; tăng 2.000 đồng so với năm học trước.
- Chế độ ăn đúng theo quy định: Số bữa ăn, nhu cầu khuyến nghị, cân đối dưỡng chất đa dạng, hợp lý, đảm bảo định lượng suất ăn theo từng độ tuổi;
- Không có trường hợp ngộ độc thực phẩm, cháy nổ, bạo hành hoặc mất an toàn, tai nạn thương tích cho trẻ trong thời gian trẻ đi học tại trường.

#### b. Giải pháp thực hiện

- Hợp đồng cung cấp thực phẩm đảm bảo an toàn, đủ tính pháp lý; quản lý chặt chẽ khẩu phần ăn của trẻ; công khai thực đơn - tài chính bữa ăn hàng ngày; nghiêm túc thực hiện các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm trong các bếp ăn bán trú; tăng cường hoạt động giám sát của Ban chi hội cha mẹ trẻ và Ban thành tra nhân dân;
- Tiếp tục triển khai nhân rộng mô hình “Bữa ăn hợp lý, đảm bảo dinh dưỡng kết hợp với tăng cường vận động thể lực trong các cơ sở giáo dục mầm non” đối với những đơn vị có đủ điều kiện. Huy động phụ huynh nâng cao chất lượng bữa ăn học đường cho trẻ;
- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan y tế tại các địa phương tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm cho đội ngũ; tổ chức kiểm tra sức khỏe và thực hiện tốt các biện pháp theo dõi, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ em;
- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;
- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra bảo đảm chất lượng bữa ăn và an toàn thực phẩm, kịp thời chấn chỉnh, xử lý những sai phạm trong công tác nuôi

đưỡng trẻ. Thực hiện nghiêm các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm tại bếp ăn trong nhà trường;

- Quan tâm giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế; phối hợp chế độ dinh dưỡng và vận động phù hợp đối với trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì;

- Xây dựng kế hoạch phục hồi dinh dưỡng để giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, không chế tỷ lệ thừa cân, béo phì. Thực hiện đầy đủ các quy định về công tác y tế trường học theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT.

#### *4.3. Chất lượng giáo dục trẻ; thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn II*

##### *a. Chỉ tiêu phấn đấu*

- Thực hiện có chất lượng Chương trình GDMN và tổ chức học 2 buổi/ngày;

- Áp dụng phương pháp giáo dục STEAM

- Thực hiện mô hình “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, tôn trọng quyền trẻ em”

- Thực hiện giải pháp chuyên môn cấp huyện với nội dung "Khai thác, tận dụng các yếu tố thiên nhiên để tổ chức hoạt động ngoài trời cho trẻ trong các cơ sở GDMN";

- Tổ chức cho trẻ làm quen với tiếng Anh; 20% trẻ mẫu giáo 4 tuổi, 5 tuổi được làm quen với tiếng Anh.

##### *b. Giải pháp thực hiện*

- Xây dựng và phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với văn hóa, điều kiện địa phương, khả năng và nhu cầu của trẻ. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ em theo Chương trình GDMN. Tiếp tục triển khai bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng ứng dụng phương pháp giáo dục STEAM trong thực hiện chương trình GDMN cho cán bộ, giáo viên. Chú trọng tổ chức thực hiện các hoạt động thực hành, trải nghiệm, học thông qua hoạt động chơi là chủ đạo; bảo đảm điều kiện môi trường giáo dục, thời gian tổ chức các hoạt động cho trẻ ở ngoài trời và trong lớp theo chế độ sinh hoạt hằng ngày;

- Triển khai thí điểm Chương trình GDMN mới theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT. Tập trung chuẩn bị tốt các điều kiện và năng lực đội ngũ cho việc thí điểm Chương trình GDMN mới;

- Tăng cường lồng ghép, tích hợp bảo đảm chất lượng các nội dung giáo dục quyền con người, giáo dục giới tính, an toàn giao thông, kỹ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu,... vào trong thực hiện Chương trình GDMN;

+ Giáo dục quyền con người trong triển khai Chương trình cho trẻ mẫu giáo trong các cơ sở GDMN. Tuyên truyền và tổng kết thực hiện nhiệm vụ Đề án “Đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân”;

+ Duy trì mô hình cổng trường an toàn, hướng dẫn, tổ chức thực hiện nâng cao chất lượng công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội; bảo đảm an toàn giao thông cho trẻ em mầm non;

+ Giáo dục kỹ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, dịch bệnh; thực hiện áp dụng Bộ tiêu chí trường mầm non giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần; thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu gắn với thực hiện Chiến lược Quốc gia tăng trưởng xanh theo Kế hoạch của Bộ GDĐT;

- Tổng kết, đánh giá triển khai Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, giai đoạn 2021-2025”. Tiếp tục triển khai các tiêu chí của Chuyên đề, xây dựng môi trường giáo dục, tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo phương châm “học thông qua vui chơi, trải nghiệm” tiếp tục gắn với chủ đề năm học “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, tôn trọng quyền trẻ em”. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về kết quả thực hiện chuyên đề, nhân rộng các mô hình điển hình, cách làm sáng tạo, thực hiện hiệu quả Chuyên đề;

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chất lượng GDMN cấp trường hỗ trợ thực hiện Chương trình GDMN. Chủ động triển khai các hoạt động chuyên môn với tính chất là giải pháp sáng tạo nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN hiện hành;

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về “Phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025” trong các cơ sở GDMN;

- Tiếp tục tìm kiếm, khai thác sử dụng tư liệu giáo dục trên mạng internet hỗ trợ tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng tăng cường khám phá, thực hành trải nghiệm, tạo cơ hội cho trẻ được chủ động, sáng tạo, phát triển năng lực bản thân, rèn luyện kỹ năng xã hội, khả năng tự phục vụ;

- Tổng kết mô hình Đề án “Chăm sóc vì sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2018-2025”;

- Quản lý, đảm bảo chất lượng triển khai cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo quy định tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT và các văn bản Bộ GDĐT đã ban hành. Đẩy mạnh tạo môi trường giao tiếp ngôn ngữ tiếng Anh thông qua bài hát, nghe kể chuyện, đọc thơ, hoạt động trải nghiệm;

- Thực hiện hiệu quả các hoạt động chuẩn bị cho trẻ sẵn sàng vào học lớp một. Chú trọng việc tuyên truyền phối hợp gia đình, cộng đồng đảm bảo trẻ được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo Chương trình GDMN.

## **5. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

### *a. Chỉ tiêu phấn đấu*

- Đảm bảo tỷ lệ 2,5 giáo viên nhà trẻ/lớp và 2,2 giáo viên mẫu giáo/lớp;
- Khuyến khích cán bộ quản lý, giáo viên đăng kí tham gia học thạc sĩ;
- Ổn định đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

### *b. Giải pháp thực hiện*

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 446/KH-BGDĐT ngày 28/3/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT tạo ban hành Kế hoạch hướng dẫn nâng cao năng lực chuyên môn cho CBQL và GVMN đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN;

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý GDMN. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 03/9/2019 của UBND thành phố về triển khai thực hiện Nghị Quyết số 33/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý GDMN giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 1131/KH-UBND ngày 15/5/2019 của UBND huyện về việc Triển khai thực hiện Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển GDMN giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo; Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 10/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXVI về nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030; Đề án số 2568/ĐA-UBND ngày 29/11/2021 của UBND huyện Vĩnh Bảo về nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 1240/KH-UBND ngày 21/6/2022 của UBND huyện Vĩnh Bảo về triển khai nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 10/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện

khóa XXVI và Đề án số 2568/ĐA-UBND ngày 29/11/2021 của UBND huyện về nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, khuyến khích giáo viên tự học và khai thác nguồn tài liệu, học liệu thông qua nhiều hình thức khác nhau;

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo. Tăng cường các biện pháp bảo đảm nền nếp, kỷ cương, giáo dục kỷ luật tích cực, nâng cao đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, tình yêu thương và trách nhiệm bảo vệ trẻ em cho đội ngũ;

- Phát huy vai trò tư vấn thúc đẩy chuyên môn của Ban chất lượng GDMN; Ban chất lượng chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ, đảm bảo nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng tay nghề cho đội ngũ bằng nhiều hình thức; đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN;

- Xây dựng môi trường sư phạm an toàn, lành mạnh, thân thiện, ham học hỏi, yêu thích đổi mới sáng tạo. Làm tốt công tác tôn vinh, khen thưởng và các chế độ chính sách tạo động lực, điều kiện để đội ngũ gắn bó với nghề;

- Từng bước xây dựng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng theo Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập;

- Thực hiện đầy đủ các quy định về chính sách đối với nhân viên.

## **6. Thực hiện tốt các khoản thu, chi, công tác xã hội hóa giáo dục**

### *a. Chỉ tiêu phấn đấu*

- Thực hiện thu chi theo đúng văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của các cấp đảm bảo chính xác và công khai; không có tình trạng lạm thu trong các cơ sở GDMN;

- Thu hút các bậc cha mẹ và cộng đồng tham gia vào quá trình chăm sóc giáo dục trẻ;

### *b. Giải pháp thực hiện*

- Thực hiện nghiêm túc các khoản thu, chi đúng theo các văn bản quy định của nhà nước: Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học

tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Văn bản số 86/HDLS-SGDĐT-STC ngày 25/01/2024 của Liên sở GDĐTSTC Hướng dẫn liên sở thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 15 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố; Hướng dẫn số 1044/HDLS-GDĐT-TC ngày 19/8/2024 của Liên Sở GDĐT và TC về thực hiện thu và sử dụng học phí đối với cơ sở GDMN, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Công văn số 2533/SGDĐT-KHTC ngày 22/8/2024 của Sở GDĐT về thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025; Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của HĐND thành phố về Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở GDMN, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2024-2025;

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025; Nghị quyết 7/2013/NQHĐND của HĐND thành phố, Quyết định 503/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 của UBND thành phố, huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân đầu tư cho phát triển GDMN;

- Tích cực tuyên truyền các bậc phụ huynh tham gia vào các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Tích cực nghiên cứu, học hỏi, áp dụng mô hình phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển chương trình GDMN, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

## **7. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong GDMN**

### *a. Chỉ tiêu phấn đấu*

- 98% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường mầm non thực hiện chữ ký số;

- Thực hiện tuyển sinh đầu cấp trực tuyến; thanh toán không dùng tiền mặt;

- Thực hiện đăng bài tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị, đảm bảo chất lượng và số lượng bài đăng theo quy định;

- Ứng dụng, sử dụng phần mềm quản lý nhân sự, quản lý tài chính...để thực hiện quản trị nhà trường;

- Bổ sung, khai thác và sử dụng có hiệu quả kho học liệu giáo dục dùng chung cho GDMN huyện, thành phố;

- Cán bộ phụ trách trách về công nghệ thông tin và chuyển đổi số được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số an toàn thông tin;

- Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu ngành và dữ liệu phổ cập giáo dục-xóa mù chữ;

- Chế độ thông tin báo cáo định kỳ và đột xuất được xử lý nhanh, kịp thời, đảm bảo chất lượng hiệu quả công việc.

#### *b. Giải pháp thực hiện*

- Tiếp tục truyền truyền nâng cao nhận thức tự học, tự bồi dưỡng tự nghiên cứu và nâng cao trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số;

- Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Huy động các nguồn lực, đầu tư, xây dựng hạ tầng số (nâng cấp đường truyền, phòng học thông minh, phòng học kết nối,...) hỗ trợ giáo viên trong việc tham gia các khoá tập huấn, bồi dưỡng trên nền tảng số, thiết kế giáo án điện tử, số hoá tài liệu, học liệu và các nội dung giáo dục, hướng dẫn, hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em;

- Khai thác triệt để, hiệu quả hạ tầng công nghệ thông tin đã được trang bị: trang website của ngành, của trường; trang Fanpage, facebook, nhóm zalo để thực hiện công tác truyền thông cho phụ huynh về kiến thức, kỹ năng vệ sinh, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo chương trình GDMN tại gia đình; trao đổi nghiệp vụ chuyên môn. Chủ động thực hiện phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu ngành trong GDMN;

- Sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ mầm non, chuyển hồ sơ giấy sang hồ sơ điện tử. Tiếp tục thực hiện các phần mềm hỗ trợ trong công tác quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục của các đơn vị có uy tín, được cơ quan có thẩm quyền thẩm định chất lượng;

- Đẩy mạnh hình thức thanh toán các khoản thu-chi bằng trực tuyến không dùng tiền mặt;

- Tiếp tục bổ sung kho tài liệu, học liệu hỗ trợ giáo viên trong thực hiện Chương trình GDMN và hướng dẫn các bậc cha mẹ thông qua video hỗ trợ việc chăm sóc giáo dục trẻ tại gia đình;

- Cập nhật, cung cấp, trao đổi thông tin thường xuyên, kịp thời. Có giải pháp định hướng dư luận xã hội, xử lý triệt để, hiệu quả khi xảy ra các tình huống trong công tác quản lý.

### **8. Tăng cường kiểm tra công tác quản lý hoạt động dạy học**

#### *a. Chỉ tiêu phấn đấu*

Kiểm tra định kỳ, chuyên đề, đột xuất 100% các lớp theo kế hoạch kiểm tra đã xây dựng;

*b. Giải pháp thực hiện*

Xây dựng kế hoạch kiểm tra (kiểm tra định kỳ, kiểm tra chuyên đề, kiểm tra đột xuất...) các nhóm lớp, giáo viên năm học 2024-2025, trong đó tập trung kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; công tác đảm bảo an toàn.

**9. Tham gia các phong trào thi đua, văn hóa văn nghệ, các cuộc thi**

- Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 05/CT-TW của Bộ Chính trị về “Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”;

- Tích cực tham gia các Hội thi do Huyện ủy, Ban tuyên giáo phát động (viết chính luận, cuộc thi ảnh an toàn giao thông, cuộc thi thầy cô trong mắt em...)

- Duy trì việc tham gia các phong trào thể dục thể thao do huyện phát động như: giải bóng chuyền hơi, chạy việt dã, các hoạt động văn nghệ....

**10. Đẩy mạnh công tác truyền thông về GDMN**

*a. Chỉ tiêu phấn đấu*

- Vận hành trang Web của đơn vị, khai thác trang Fanpage, facebook, zalo thực hiện công tác truyền thông về GDMN;

- Có ít nhất 04 tin bài/tháng/được tuyên truyền trên phương tiện thông tin của đơn vị;

- Sử dụng hiệu quả sử dụng các phần mềm ứng dụng công nghệ AI trong việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá và công tác quản lý trong nhà trường.

- 100% phụ huynh được phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ bằng nhiều hình thức, đảm bảo hiệu quả và phù hợp, có sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng đặc biệt trong thời gian trẻ phải tạm dừng đến trường do dịch bệnh, thiên tai.

*b. Giải pháp thực hiện*

- Tích cực tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Bộ GDĐT, thành phố, huyện, Sở GDĐT, Phòng GDĐT về đổi mới và phát triển GDMN; các chuyên đề về GDMN, các hoạt động nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; gương người tốt việc tốt trong thực hiện chương trình GDMN; kịp thời thông tin, truyền thông về việc thực hiện chính sách pháp luật, hoạt động nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường qua các trang thông tin điện tử của ngành;

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên có kỹ năng giao tiếp, trao đổi với phụ huynh hàng ngày, trong các cuộc họp, các buổi hội thảo, ... kịp thời cung cấp thông tin, định hướng và xử lý thông tin đảm bảo phụ huynh thông suốt, tích cực phối hợp với nhà trường thực hiện hiệu quả công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ;

- Tiếp tục phát triển mạng lưới quy mô trường lớp, chính sách về GDMN, công tác xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, gương người tốt việc tốt...;

- Phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thông tin, truyền thông về GDMN. Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác truyền thông theo tháng, theo các chủ đề, chuyên mục trong năm học với nhiều hình thức đa dạng.

### **11. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo**

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện báo cáo.

- Khi có sự cố xảy ra ngoài ý muốn, cần báo cáo ngay phòng GDĐT qua bộ phận mầm non, tránh tình trạng xử lý thông tin không kịp thời, gây dư luận không tốt, ảnh hưởng đến ngành học.

### **12. Công tác thi đua, khen thưởng**

- Thực hiện tốt các tiêu chí thi đua, khen thưởng đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong đơn vị theo đúng quy định;

- Bảo đảm thực hiện đúng quy định, công bằng, công khai, minh bạch, kịp thời việc khen thưởng tạo cảm hứng và động lực thi đua, phấn đấu trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

#### *a. Chỉ tiêu phấn đấu*

- Tập thể đăng ký: Tập thể lao động tiên tiến.

- Cá nhân: Đăng ký CSTĐCS:  $6/29 \text{ đ/c} = 20.7\%$  ; Đăng ký danh hiệu LĐTT:  $29/29 \text{ đ/c} = 100\%$ .

- 100% CBGVNV thực hiện nghiêm túc tiêu chí thi đua.

#### *b. Biện pháp thực hiện*

- Xây dựng kế hoạch thanh kiểm tra hàng tháng, kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch .

- Tổ chức thực hiện việc bình bầu xếp loại thi đua hàng tháng, học kỳ, cả năm công khai, công bằng kịp thời.

- Xây dựng tiêu chí thi đua với các tổ chuyên môn trong nhà trường, quy chế hoạt động cơ quan, phối hợp chặt chẽ với Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân, giám sát và thực hiện nghiêm túc quy chế và tiêu chí thi đua năm học 2024 - 2025.

- Tổ chức thực hiện việc bình bầu xếp loại thi đua hàng tháng, học kỳ, cả năm, công khai, công bằng thực hiện nghiêm túc về ngày giờ công, quy định theo Luật lao động đã ban hành.

#### **IV. MỘT SỐ CHỈ TIÊU LỚN**

##### **1. Tập thể.**

- Trường đạt Tập thể lao động tiên tiến.  
- Chi bộ đạt Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Kết nạp 01 - 02 đảng viên mới.

- Công đoàn đạt Công đoàn cơ sở vững mạnh.

- Chi đoàn đạt Chi đoàn vững mạnh.

##### **2. Cá nhân CBGVNV.**

+ CSTĐ cấp CS: 5-6 đ/c;

+ 1-2 đ/c được nhận Bằng khen UBND thành phố.

+ 100% CBGVNV đạt lao động tiên tiến.

+ Đánh giá chuẩn nghề nghiệp: 80% xếp loại Tốt, còn lại xếp loại khá.

+ Xếp loại viên chức: 100% xếp loại hoàn thành tốt trở lên.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Ban Giám hiệu**

- Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học.  
- Quán triệt đến toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên.  
- Tổ chức Hội nghị thảo luận dự thảo kế hoạch.  
- Trình Phòng GD&ĐT duyệt kế hoạch trước khi tiến hành Hội nghị CBCC.

- Tổ chức triển khai kế hoạch tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên.  
- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học của các tổ chuyên môn, các bộ phận, toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên.

##### **2. Các tổ chức đoàn thể, tổ chuyên môn, CB, GV, NV nhà trường.**

- Thảo luận đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch.  
- Thực hiện các nhiệm vụ năm học theo kế hoạch.  
- Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, các bộ phận cần phản ánh kịp thời về Ban Giám hiệu để thống nhất giải quyết./.

##### **Nơi nhận:**

- PGD&ĐT huyện (để b/c);
- ĐU, UBND xã (để b/c);
- BGH, các tổ CM;
- Lưu: VT

**TM. NHÀ TRƯỜNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Ngọc Trâm**